

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 05 – 2021
V/v Tranh chấp ly hôn và yêu cầu
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Chánh.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Minh Thật.
2. Bà: Trần Thị Lệ Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà: Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 28 tháng 05 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 05 năm 2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng T, sinh năm: 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp An Lạc A, xã Lương Hòa Lạc, huyện CG, tỉnh TG.

Bị đơn: Anh Võ Văn B, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T (gọi tắt chị T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Võ Văn B quen biết nhau và có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định. Hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh B không quan tâm vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị T và anh B đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 02 con chung, cháu tên Võ Bùi Khánh D (giới tính: nam), sinh ngày 07/10/2010 và cháu Võ Bùi Đức D (giới tính nam), sinh ngày 10/10/2017. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con, chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn B đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hồng T và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh B.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T đối với bị đơn anh Võ Văn B.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Bùi Thị Hồng T và anh Võ Văn B được ly hôn.

Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng T được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Bùi Khánh D (giới tính: nam) sinh ngày 07/10/2010 và cháu Võ Bùi Đức D (giới tính: nam) sinh ngày 10/10/2017, hiện nay các cháu đang chung sống với chị T. Chị T chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T khai có, nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Võ Văn B. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23 tháng 04 năm 2021, bị đơn anh Võ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị T và anh B, nhưng đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hồng T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị T cho rằng vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh B. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, thời gian ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh ra thì các con chung sống với vợ chồng anh chị, nhưng từ khi vợ chồng anh chị không còn sống chung cho đến nay thì các con sống chung với chị T, mặc khác theo biên bản xác minh của Tòa án các con sống chung với anh chị, nhưng từ khi vợ chồng không còn sống chung thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho các cháu, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao hai con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Võ Văn B có quyền,

nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Do chị T chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị T xác định có, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T đối với bị đơn anh Võ Văn B. Cho nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T được ly hôn với bị đơn anh Võ Văn B.

2. Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, cháu tên Võ Bùi Khánh D (giới tính: nam), sinh ngày 07/10/2010 và cháu Võ Bùi Đức D (giới tính: nam) sinh ngày 10/10/2017, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị T. Về cấp dưỡng: Do chị Bùi Thị Hồng T chưa yêu cầu anh Võ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con, nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Võ Văn B không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị T xác định có, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số: 0006661 phiếu lập ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hòa;
- UBND xã Hòa Lạc, huyện
Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Chánh